

Câu 1. Viết số 65 dưới dạng tổng của các chục và đơn vị:

- A. $65 = 6 + 5$ B. $65 = 50 + 6$ C. $65 = 60 + 5$ D. $65 = 6 + 50$

Câu 2. Điền dấu ($>$, $<$, $=$) vào chỗ chấm?

$$60 + 7 \dots\dots\dots 64$$

- A. $>$ B. $<$ C. $=$ D. Không điền dấu nào

Câu 3. Trong phép tính: $53 + 4 = 57$. Số 57 được gọi là:

- A. Tổng B. Số hạng C. Hiệu D. Số có hai chữ số

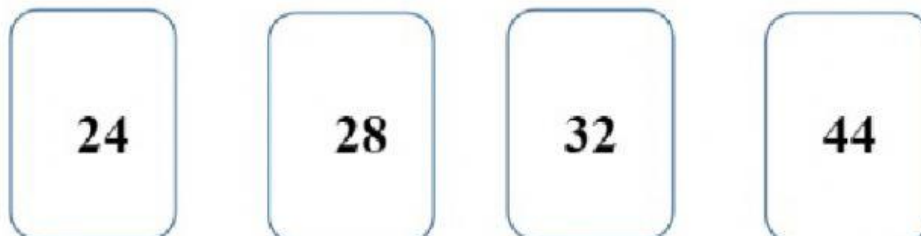
Câu 4. Số bị trừ là số nhỏ nhất có hai chữ số, số trừ là 1. Hiệu là:

- A. 10 B. 9 C. 11 D. 12

Câu 5. Tổng số tuổi của hai anh em là 12 tuổi. Em 2 tuổi. Số tuổi của anh là:

- A. 10 tuổi B. 14 tuổi C. 11 tuổi D. 12 tuổi

Câu 6. Thẻ ghi số có hai chữ số có hiệu bằng 2 là:



- A. 24 B. 28 C. 32 D. 44

Câu 7: Tổng của hai số 52 và 15 là:

- A. 65 B. 67 C. 68 D. 69

Câu 8. Hiệu của hai số 56 và 22 là:

- A. 34 B. 35 C. 36 D. 37

Câu 9. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 67, 54, 33, 89, 74.

- A. 89, 67, 74, 54, 33 B. 89, 74, 67, 54, 33
B. 33, 54, 67, 74, 89 C. 33, 67, 54, 74, 89

Câu 10. Số liền sau của số bé nhất có hai chữ số giống nhau là:

- A. 10 B. 11 C. 12 D. 13

Câu 11. Số liền trước của số lớn nhất có hai chữ số là:

- A. 97 B. 98 C. 99 D. 100

Câu 12. Cho 3 chữ số: 4, 0, 7. Lập được số có hai chữ số

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Câu 13. Kết quả của phép tính $35 + 42 - 20$ là:

- A. 47 B. 57 C. 67 D. 77

II. TỰ LUẬN

Câu 14. Trong số 76, chữ số chỉ hàng đơn vị là:

Câu 15. Trong số 48, chữ số chỉ hàng chục là:

Câu 16. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Mẹ và chị hái được 68 quả cam, trong đó mẹ hái được 43 quả cam. Chị hái đượcquả cam.

Câu 17. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

Mai có 16 cái kẹo, em có 10 cái kẹo. Mai có nhiều hơn em cái kẹo.

Câu 18. Mẹ năm nay 33 tuổi, con 11 tuổi. Mẹ hơn con tuổi.

Câu 19. Viết phép trừ có số bị trừ bằng số trừ và bằng hiệu:

.....

Câu 20. Tìm hai số có hiệu bằng 8 và tổng bằng 8:

.....
